

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 4 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách thu hút
cán bộ, công chức có trình độ cao đẳng trở lên về công tác
tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chính sách thu hút cán bộ, công chức có trình độ cao đẳng, đại học về công tác tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 123/TTr-SNV ngày 29 tháng 01 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách thu hút cán bộ, công chức có trình độ cao đẳng trở lên về công tác tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

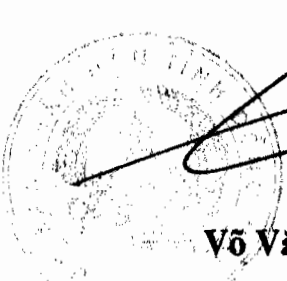
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra Văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo TU, Ban Tổ chức TU;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Đài PTTH Đồng Nai, Báo Đồng Nai;
- Sở Tư pháp, Trung tâm Công báo;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT. (VX).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Võ Văn Một

QUY ĐỊNH

**Về chính sách thu hút cán bộ, công chức có trình độ cao đẳng trở lên về
công tác tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2008/QĐ-UBND ngày 14 / 4/2008 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách thu hút được áp dụng đối với cán bộ, công chức, sinh viên về công tác ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ chuyên trách có trình độ cao đẳng trở lên và công chức xã, phường, thị trấn có trình độ chuyên môn bậc trung cấp địa chính, cao đẳng trở lên (được đào tạo không bằng nguồn ngân sách của Nhà nước) đang công tác tại xã, phường, thị trấn đảm nhiệm các chức danh ở xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

2. Cán bộ, công chức đang công tác tại các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trình độ cao đẳng trở lên được điều động hoặc tình nguyện về công tác tại xã, phường, thị trấn.

3. Cán bộ, công chức ngoài tỉnh có trình độ cao đẳng trở lên chuyển về tỉnh Đồng Nai tình nguyện về công tác tại các xã, phường, thị trấn.

4. Sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học, tuổi đời không quá 30 về làm việc tại các xã, phường, thị trấn được bố trí các chức danh ở xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

Ưu tiên những người có trình độ đào tạo đại học chính quy và sau đại học ở các ngành: kinh tế, tài chính, địa chính, xây dựng, kiến trúc, quy hoạch, giao thông, hành chính, luật, nông nghiệp, văn hoá mà tỉnh có nhu cầu tuyển dụng làm cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Yêu cầu về trình độ chuyên môn đối với các đối tượng được hưởng thu hút:

1. Đối với trường hợp cán bộ chuyên trách hiện đang công tác hoặc được thu hút bố trí giữ các chức danh cán bộ chuyên trách phải có trình độ chuyên môn ở bậc cao đẳng trở lên.

2. Đối với các chức danh công chức cấp xã (trừ công an và quân sự)

a) Đối với công chức cấp xã hiện đang công tác phải có trình độ chuyên môn cao đẳng trở lên và trung cấp địa chính phù hợp với chức danh theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau: đối với công chức Tài chính Kế toán phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính - Kế toán; đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Luật; đối với công chức Địa chính - Xây dựng phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Địa chính hoặc Xây dựng; đối với công chức Văn phòng - Thống kê phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ, Luật hoặc Hành chính; đối với công chức Văn hoá - Xã hội phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành Văn hoá nghệ thuật, Văn hoá Thông tin hoặc Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối với công chức cấp xã thuộc diện điều động, luân chuyển, chuyển, tuyển dụng mới phải có trình độ chuyên môn cao đẳng trở lên phù hợp với chuyên môn từng chức danh theo đúng tiêu chuẩn quy định như điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 4. Các đơn vị hành chính cấp xã thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa được quy định theo các văn bản của Trung ương (*kèm theo phụ lục*).

Chương II MỨC TRỢ CẤP

Điều 5. Cán bộ, công chức có trình độ đại học trở lên

1. Đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa (được quy định tại Điều 4 của bản Quy định này)

Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã hiện đang công tác và đối tượng được điều động, luân chuyển, chuyển, tuyển dụng mới thuộc diện thu hút ngoài tiền lương được hưởng theo ngạch, bậc, bảng cấp chuyên môn đào tạo và phụ cấp, các chính sách qui định của Nhà nước còn được hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 2,0 lần mức lương tối thiểu.

2. Đối với xã, phường, thị trấn còn lại

Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã hiện đang công tác và đối tượng được điều động, luân chuyển, chuyển, tuyển dụng mới thuộc diện thu hút ngoài tiền lương hưởng theo ngạch, bậc theo bảng cấp chuyên môn đào tạo và phụ cấp, các chính sách qui định của Nhà nước còn được hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu.

Điều 6. Cán bộ, công chức có trình độ cao đẳng và trung cấp địa chính

1. Đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa (được quy định tại Điều 4 của bản Quy định này)

Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã đang công tác và đối tượng được điều động, luân chuyển, chuyển, tuyển dụng mới thuộc diện thu hút ngoài tiền lương được hưởng theo ngạch, bậc, bằng cấp chuyên môn đào tạo và phụ cấp, các chính sách qui định của Nhà nước còn được hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu.

2. Đối với xã, phường, thị trấn còn lại

Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã đang công tác và đối tượng được điều động, luân chuyển, chuyển, tuyển dụng mới thuộc diện thu hút ngoài tiền lương hưởng theo ngạch, bậc theo bằng cấp chuyên môn đào tạo và phụ cấp, các chính sách qui định của Nhà nước còn được hưởng trợ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần mức lương tối thiểu.

Điều 7. Trợ cấp khác

Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã thuộc diện thu hút ngoài trợ cấp được hưởng theo Điều 5 và Điều 6 quy định này còn được hưởng các chế độ trợ cấp thêm, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở bằng 0,7 lần mức lương tối thiểu/người/tháng đối với người ngoài địa phương, có khoảng cách từ nhà đến nơi làm việc từ 20 km trở lên và có thuê nhà thực tế tại nơi được phân công, bố trí làm việc.

- Đối tượng là nữ: trợ cấp thêm 0,7 lần mức lương tối thiểu/người/tháng.

Điều 8. Thời gian được hưởng chế độ trợ cấp

- 05 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền bố trí công tác đối với cán bộ, công chức được điều động, chuyển, tuyển dụng về công tác tại xã, phường, thị trấn thuộc diện được hưởng trợ cấp thu hút.

- 03 năm kể từ ngày được hưởng chế độ thu hút đối với cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã hiện đang công tác tại xã, phường, thị trấn.

Điều 9. Đối với các trường hợp cán bộ, công chức vừa thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ cán bộ luân chuyển, điều động cán bộ theo Quyết định số 62-QĐ/TU ngày 15/8/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy định tạm thời về hỗ trợ đối với cán bộ được luân chuyển, điều động là cán bộ lãnh đạo, quản lý; vừa thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp thu hút theo quy định này thì chỉ được hưởng một chế độ có lợi nhất.

Chương III KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 10. Hàng năm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định tại quy định này, xây dựng kế hoạch đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ thu hút, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách của xã, phường, thị trấn thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân

cấp huyện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 11. Phương thức và cách thức chi trả

Chế độ trợ cấp thu hút được chi trả cùng kỳ với kỳ lương hàng tháng, do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sử dụng cán bộ thuộc diện thu hút trực tiếp chi trả từ nguồn kinh phí được cấp.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện

- Sở Nội vụ triển khai và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ thu hút, tổ chức thanh, kiểm tra việc thực hiện của các địa phương và định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

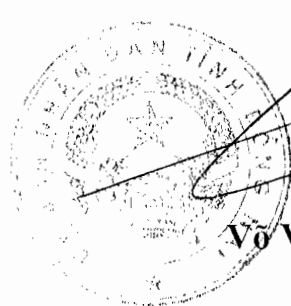
- Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa lập dự toán, thanh và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng năm theo quy định;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, lập dự toán kinh phí, kiểm tra, phê duyệt, cấp phát kinh phí thực hiện chế độ thu hút trong từng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị và quyết toán số kinh phí với Sở Tài chính theo quy định;

- Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê danh sách các trường hợp thuộc diện được hưởng trợ cấp của đơn vị mình trong từng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt và kịp thời chi trả chế độ cho các đối tượng được hưởng thu hút.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Một

PHỤ LỤC
DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC MIỀN NÚI, VÙNG SÂU, VÙNG XA
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 31 /2008/QĐ-UBND ngày 14/ 4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên xã	Số, Ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
I	Thị xã Long Khánh			
1	Xã Xuân Tân	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Hàng Gòn	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Xuân Lập	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
4	Xã Bàu Sen	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
5	Xã Suối Tre	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
6	Xã Bảo Vinh	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
7	Xã Bảo Quang	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
8	Xã Bàu Trâm	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
II	Huyện Vĩnh Cửu			
1	Thị trấn Vĩnh An	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Trị An	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Phú Lý	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
4	Xã Mã Đà	363/2005/QĐ-UBND	15/8/05	Ủy ban Dân tộc
5	Xã Hiếu Liêm	363/2005/QĐ-UBND	15/8/05	Ủy ban Dân tộc
6	Xã Vĩnh Tân	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
7	Xã Tân An	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
III	Huyện Trảng Bom			
1	Xã Đồi 61	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã An Viễn	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Sông Thao	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
4	Xã Sông Trầu	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
5	Xã Bàu Hàm	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
6	Xã Tây Hoà	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
7	Xã Thanh Bình	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
8	Xã Cây Gáo	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
9	Xã Hưng Thịnh	301/2006/QĐ-UBND	27/11/06	Ủy ban Dân tộc
10	Xã Hồ Nai 3	301/2006/QĐ-UBND	27/11/06	Ủy ban Dân tộc
11	Xã Trung Hoà	301/2006/QĐ-UBND	27/11/06	Ủy ban Dân tộc
IV	Huyện Thống Nhất			
1	Xã Lộ 25	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Xuân Thạnh	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Xuân Thiện	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ

STT	Tên xã	Số, Ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
4	Xã Hưng Lộc	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
5	Xã Bàu Hàm 2	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
V	Huyện Cẩm Mỹ			
1	Xã Long Giao	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Nhân Nghĩa	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Xuân Mỹ	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
4	Xã Lâm San	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
5	Xã Sông Ray	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
6	Xã Xuân Đông	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
7	Xã Xuân Tây	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
8	Xã Bảo Bình	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
9	Xã Xuân Bảo	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
10	Xã Sông Nhạn	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
11	Xã Xuân Quế	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
12	Xã Xuân Đường	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
13	Xã Thừa Đức	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
VI	Huyện Xuân Lộc			
1	Thị trấn Gia Ray	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Xuân Bắc	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Xuân Thọ	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
4	Xã Xuân Thành	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
5	Xã Xuân Trường	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
6	Xã Xuân Tâm	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
7	Xã Xuân Hòa	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
8	Xã Xuân Hưng	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
9	Xã Suối Cao	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
10	Xã Lang Minh	11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
11	Xã Suối Cát	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
12	Xã Xuân Phú	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Thủ tướng
13	Xã Bảo Hoà	301/2006/QĐ-UBND	27/11/06	Ủy ban Dân tộc
14	Xã Xuân Hiệp	301/2006/QĐ-UBND	27/11/06	Ủy ban Dân tộc
VII	Huyện Định Quán			
1	Thị trấn Định Quán	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Túc Trưng	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Suối Nho	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
4	Xã Phú Túc	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
5	Xã La Ngà	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
6	Xã Phú Ngọc	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
7	Xã Thanh Sơn	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
8	Xã Ngọc Định	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
9	Xã Gia Canh	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi

STT	Tên xã	Số, Ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
10	Xã Phú Lợi	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
11	Xã Phú Vinh	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
12	Xã Phú Tân	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
13	Xã Phú Hòa	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
14	Xã Phú Cường	11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
VIII Huyện Tân Phú				
1	Thị trấn Tân Phú	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
2	Xã Phú Điền	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
3	Xã Trà Cỏ	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
4	Xã Thanh Sơn	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
5	Xã Phú Bình	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
6	Xã Phú Trung	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
7	Xã Phú Sơn	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
8	Xã Đaklua	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
9	Xã Nam Cát Tiên	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
10	Xã Núi Tượng	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
11	Xã Tà Lài	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
12	Xã Phú Lập	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
13	Xã Phú Thịnh	68/UB-QĐ	09/8/97	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
14	Xã Phú Lộc	08/UB-QĐ	04/03/94	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
15	Xã Phú An	21/UB-QĐ	26/01/93	Ủy ban Dân tộc - Miền núi
16	Xã Phú Lâm	11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
17	Xã Phú Thanh	11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
18	Xã Phú Xuân	11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBND	05/01/05	Liên Bộ
IX Huyện Long Thành				
1	Xã Bình Sơn	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Ủy ban Dân tộc
2	Xã Cẩm Đường	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Ủy ban Dân tộc
3	Xã Bình An	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Ủy ban Dân tộc
4	Xã Bàu Cạn	30/2007/QĐ-TTg	05/03/07	Ủy ban Dân tộc
5	Xã Phước Bình	05/2007/QĐ-UBND	06/9/07	Ủy ban Dân tộc
6	Xã Phước Tân	05/2007/QĐ-UBND	06/9/07	Ủy ban Dân tộc
7	Xã Tân Hiệp	05/2007/QĐ-UBND	06/9/07	Ủy ban Dân tộc

Tổng cộng: có 97 đơn vị hành chính cấp xã thuộc miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh Đồng Nai